

Số: 875/QĐ-HVPNVN

Hà Nội, ngày 23 tháng 9 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành bản mô tả chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ  
ngành Công tác xã hội

### GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 1558/QĐ-TTg ngày 18/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Phụ nữ Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐHV ngày 20/11/2021 của Hội đồng Học viện Phụ nữ Việt Nam về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Phụ nữ Việt Nam;

Căn cứ biên bản góp ý, thẩm định của Hội đồng Khoa học và Đào tạo;  
Theo đề nghị của Phòng Đào tạo.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành bản mô tả chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Công tác xã hội, mã số: 8760101 (có văn bản chi tiết kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Phòng Đào tạo, Khoa Công tác xã hội và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Hội đồng KH&ĐT;
- Website Học viện;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC ✓  
  
Trần Quang Tiến

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI**

(Ban hành theo Quyết định số 875/QĐ-HVPNVN ngày 23 tháng 9 năm 2024  
của Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam)

**1. Giới thiệu chung về chương trình đào tạo**

- Tên, mã số ngành đào tạo:
  - + Tên tiếng Việt: Công tác xã hội
  - + Tên tiếng Anh: Social Work
  - + Mã ngành đào tạo: 8760101
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Thời gian đào tạo chuẩn toàn khoá: 02 năm; thời gian tối đa hoàn thành chương trình: 04 năm.
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
- Văn bằng tốt nghiệp: Bằng thạc sĩ Công tác xã hội
- Đơn vị đào tạo và cấp bằng: Học viện Phụ nữ Việt Nam

**2. Mục tiêu chương trình đào tạo**

**2.1. Triết lý giáo dục của Chương trình đào tạo**

Giáo dục chất lượng, chuyên nghiệp và trách nhiệm.

**2.2. Mục tiêu chung:**

Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao về Công tác xã hội; có kiến thức tổng hợp về chính sách xã hội, về quản trị công tác xã hội; có kiến thức, kỹ năng chuyên sâu trong thực hành nghề nghiệp nhằm can thiệp các tình huống thực tế ở các cấp độ cá nhân, nhóm, cộng đồng. Người học có khả năng khám phá kiến thức mới; có khả năng nghiên cứu, có tư duy sáng tạo, tiếp tục học tập và nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ; mở rộng cơ hội nghề nghiệp; có năng lực làm việc độc lập; thích nghi với các môi trường làm việc; có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe; có trách nhiệm xã hội và ý thức phục vụ nhân dân.

**2.3. Các mục tiêu cụ thể:**

**2.3.1. Về kiến thức**

Hiểu rõ và thực thi được các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về Công tác xã hội, đặc biệt là chính sách xã hội và an sinh xã hội; có kiến thức vững chắc, chuyên sâu về thực hành các lĩnh vực của Công tác xã hội; tổng hợp, vận

dụng các kiến thức vào hoạt động quản lý, điều hành bộ máy tổ chức của cơ quan, đơn vị; phát hiện và phát triển các kiến thức mới chuyên sâu về Công tác xã hội để bổ sung vào hệ thống lý thuyết và ứng dụng hiệu quả trong thực hành, quản trị Công tác xã hội.

### 2.3.2. Về kỹ năng

Có kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá một cách toàn diện các vấn đề của cá nhân, nhóm và cộng đồng ở tầm vĩ mô; có kỹ năng thực hành Công tác xã hội với cá nhân, nhóm và xây dựng dự án Công tác xã hội ở các tình huống phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính qui luật, khó dự báo; có kỹ năng thực hành, nghiên cứu độc lập, kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng quản lý trường hợp, kỹ năng giao tiếp trong giải quyết công việc.

### 2.3.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng; có đạo đức nghề nghiệp, đạo đức cá nhân và đạo đức xã hội, vận dụng phù hợp các quy điều đạo đức nghề Công tác xã hội trong thực hiện vai trò và nhiệm vụ chuyên môn; có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc; chủ động, tích cực học tập tiếp thu, cập nhật thông tin, kiến thức mới; có quan điểm đúng đắn về giới và bình đẳng giới; có ý thức và trách nhiệm trong việc nghiên cứu để bổ sung và làm sáng tỏ những vấn đề lý luận, vấn đề thực tiễn nảy sinh trong hoạt động Công tác xã hội, góp phần thúc đẩy sự phát triển nghề Công tác xã hội; có năng lực tự chủ và trách nhiệm.

## 3. Điều kiện tuyển sinh

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và Đào tạo trình độ Thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 30/8/2021 (Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT); Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Học viện Phụ nữ Việt Nam ban hành ngày 28/02/2022 (Quyết định số 101/QĐ-HVPNVN) và Đề án tuyển sinh sau đại học của Học viện Phụ nữ Việt Nam công bố hàng năm.

## 4. Chuẩn đầu ra

### 4.1. Chuẩn đầu ra về kiến thức (KT)

- KT1: Hiểu rõ, phân tích sâu và vận dụng được các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực Công tác xã hội nói chung, đặc biệt về chính sách xã hội, giới và an sinh xã hội đối với các nhóm thân chủ.

- KT2: Vận dụng thành thạo được các kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực Công tác xã hội để can thiệp, hỗ trợ các nhóm yếu thế, thực hiện các hoạt động Công tác xã hội tại các cơ sở; điều hành bộ máy tổ chức, hoạt động quản lý của các cơ quan/tổ chức Công tác xã hội; xây dựng dự án công tác xã hội.

- KT3: Tổng hợp được các kiến thức chuyên sâu, liên ngành để phát triển các kiến thức mới về Công tác xã hội nhằm bổ sung vào hệ thống lý thuyết, ứng dụng hiệu quả phương pháp công tác xã hội trong thực hành Công tác xã hội và trong quản trị Công tác xã hội.

#### **4.2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng (KN)**

- KN1: Phân tích, tổng hợp và đánh giá một cách toàn diện các vấn đề của thân chủ ở cấp độ cá nhân, nhóm và cộng đồng ở tầm vĩ mô; có kỹ năng đánh giá tác động của từng chính sách đến các nhóm thân chủ, đồng thời tham mưu, tư vấn, khuyến nghị điều chỉnh, bổ sung và cập nhật chính sách mới theo hướng đảm bảo lợi ích cho thân chủ; có kỹ năng phản biện.

- KN2: Thành thạo kỹ năng thực hành chuyên sâu Công tác xã hội với cá nhân, nhóm; phát triển kỹ năng xây dựng dự án Công tác xã hội ở các tình huống khó và phức tạp, khó dự báo; có kỹ năng thực hiện các bước lồng ghép giới trong lĩnh vực an sinh xã hội.

- KN3: Có kỹ năng tổ chức và quản trị Công tác xã hội trong môi trường đa dạng, phức tạp, trong bối cảnh có sự thay đổi.

- KN4: Có kỹ năng nghiên cứu và thực hành ở trình độ cao; có kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng quản lý trường hợp, kỹ năng giao tiếp, ứng xử hiệu quả trong giải quyết công việc.

#### **4.3. Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và trách nhiệm (TC)**

- TC1: Có lập trường, quan điểm rõ ràng, có thái độ chính trị lập trường đúng đắn; hình thành bản lĩnh chính trị và phẩm chất đạo đức cách mạng; có đạo đức nghề nghiệp, đạo đức cá nhân và đạo đức xã hội, vận dụng phù hợp các quy điều đạo đức nghề Công tác xã hội trong thực hiện vai trò và nhiệm vụ chuyên môn.

- TC2: Tự giác, tích cực học hỏi, bổ sung, cập nhật thông tin, kiến thức mới về nghề nghiệp; làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; chịu trách nhiệm và có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc; chủ động, tích cực học tập tiếp thu, cập nhật thông tin, kiến thức mới.

- TC3: Có ý thức và trách nhiệm trong nghiên cứu để bổ sung và làm sáng tỏ những vấn đề lý luận, vấn đề thực tiễn nảy sinh trong hoạt động công tác xã hội, góp phần thúc đẩy sự phát triển nghề Công tác xã hội của đất nước.

#### **4.4. Chuẩn đầu ra về năng lực ngoại ngữ**

- NN: Tiếng Anh đạt trình độ 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (hoặc trình độ tương đương trở lên) hoặc các chứng chỉ tương đương theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ngày 30/8/2021 về Ban hành hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

#### 4.5. Ma trận đóng góp của Chuẩn đầu ra và Mục tiêu Chương trình đào tạo

STT	Mã CDR	Mục tiêu 1	Mục tiêu 2	Mục tiêu 3
1.	KT1	3	2	1
2.	KT2	3	2	1
3.	KT3	3	2	1
4.	KN1	2	3	1
5.	KN2	2	3	1
6.	KN3	2	3	1
7.	KN4	2	3	1
8.	TC1	1	1	3
9.	TC2	1	1	3
10.	TC3	1	1	3

**Ghi chú:** 0: không có đóng góp; 1: đóng góp thấp; 2: đóng góp trung bình; 3: đóng góp cao.

#### 5. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Vị trí công tác/việc làm	Loại hình tổ chức
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà quản trị/quản lý/điều hành tại các cơ quan nhà nước, tư nhân, phi chính phủ, quốc tế liên quan đến Công tác xã hội.</li> <li>- Chuyên gia, người tự khởi nghiệp trong các lĩnh vực liên quan đến Công tác xã hội.</li> <li>- Chuyên viên/kiểm huấn viên/nhân viên công tác xã hội tại các cơ quan/tổ chức thuộc nhà nước, tư nhân, phi chính phủ, quốc tế.</li> <li>- Giảng viên/nghiên cứu viên về Công tác xã hội và các ngành gắn ở các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu.</li> <li>- Cán bộ tư vấn/tham vấn trong lĩnh vực Công tác xã hội...</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các cơ quan chuyên trách của các tổ chức chính trị - xã hội các cấp từ trung ương đến địa phương;</li> <li>- Các cơ quan của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội các cấp từ trung ương đến địa phương;</li> <li>- Các cơ quan/tổ chức trong hệ thống Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam trên toàn quốc;</li> <li>- Các trường đại học, học viện, viện nghiên cứu, trung tâm, các trường cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp; các trường phổ thông.</li> <li>- Các cơ sở cung cấp dịch vụ xã hội cho các đối tượng xã hội khác nhau thuộc cơ quan nhà nước, tư nhân, phi chính phủ, quốc tế...;</li> <li>- Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể hoặc thuộc các các lĩnh vực: y tế, giáo dục, pháp luật, phúc lợi xã hội...; công chức làm việc tại các cơ quan/tổ chức địa phương;</li> <li>- Các cơ sở trợ giúp người yếu thế, tự khởi nghiệp trong các lĩnh vực liên quan đến Công tác xã hội.</li> </ul>

#### 6. Cấu trúc và nội dung Chương trình dạy học

##### 6.1. Khối lượng kiến thức toàn khoá

- Tổng số tín chỉ: 60 tín chỉ, gồm 16 học phần, 01 học phần thực tập và 01 đề án tốt nghiệp.

- Phân bổ các khối kiến thức như sau:

+ Khối các kiến thức chung và cơ sở ngành: 05 học phần, trong đó gồm 04 học phần bắt buộc với 12 tín chỉ và 01 học phần tự chọn với 03 tín chỉ.

+ Khối kiến thức chuyên ngành: 11 học phần, trong đó gồm 06 học phần bắt buộc với 18 tín chỉ và 05 học phần tự chọn với 15 tín chỉ.

+ Thực tập và đề án tốt nghiệp: Thực tập với 06 tín chỉ; Đề án tốt nghiệp với 06 tín chỉ.

**6.2. Khung chương trình đào tạo**

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)		
			Tổng số	LT	TH TL
<b>1. Kiến thức chung và cơ sở ngành: 05 học phần (15 tín chỉ)</b>					
<b>1.1. Các học phần bắt buộc: 04 học phần (12 tín chỉ)</b>					
1	CHCT01	Triết học	04	03	01
2	CHCB19	Phương pháp nghiên cứu chuyên sâu trong Công tác xã hội	03	02	01
3	CHCB01	Phân tích và hoạch định chính sách xã hội	03	02	01
4	CHCB12	Hành vi con người và môi trường xã hội nâng cao	02	01	01
<b>1.2. Các học phần tự chọn: chọn 1/3 học phần (03 tín chỉ)</b>					
5	CHCB20	Quản lý trường hợp trong thực hành Công tác xã hội	03	02	01
	CHCB22	Kiểm huấn trong thực hành Công tác xã hội	03	02	01
	CHCB02	Giới và an sinh xã hội	03	02	01
<b>2. Kiến thức chuyên ngành: 11 học phần: (33 TC)</b>					
<b>2.1. Các học phần bắt buộc: 06 học phần (18 TC)</b>			<b>11</b>	<b>7</b>	<b>4</b>
6	CHCB21	Ứng dụng lý thuyết trong thực hành Công tác xã hội	03	02	01
7	CHCB23	Ứng dụng Công tác xã hội cá nhân trong can thiệp, hỗ trợ thân chủ	03	02	01
8	CHCB24	Ứng dụng Công tác xã hội nhóm trong can thiệp, hỗ trợ thân chủ	03	02	01
9	CHCB06	Thực hành Công tác xã hội chuyên sâu	03	01	02
10	CHCB26	Xây dựng và quản lý dự án công tác xã hội.	03	01	02
11	CHCB25	Thực hành Quản trị Công tác xã hội	03	02	01
<b>3.2. Các học phần tự chọn: Chọn 5/7 học phần (15 TC)</b>			<b>15</b>	<b>10</b>	<b>5</b>
12 13 14	CHCI12	Thực hành Công tác xã hội trong lĩnh vực bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới	03	02	01
15 16	CHCI13	Can thiệp, hỗ trợ người cao tuổi	03	02	01

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)		
			Tổng số	LT	TH TL
	CHCI06	Can thiệp, hỗ trợ người khuyết tật	03	02	01
	CHCI09	Can thiệp, hỗ trợ đối với trẻ em bị xâm hại	03	02	01
	CHCI10	Hỗ trợ cộng đồng trong trường hợp khẩn cấp	03	02	01
	CHCI07	Tham vấn điều trị cho người nghiện ma túy	03	02	01
	CHCI14	Thực hành Công tác xã hội trong hệ thống cơ sở y tế	03	02	01
<b>3. Thực tập và đề án tốt nghiệp (12 tín chỉ)</b>					
17	CHCB17	Thực tập	06	0	06
18	CHCB18	Đề án tốt nghiệp	06		
<b>Tổng cộng:</b>			<b>60</b>		

### 6.3. Kế hoạch dạy học:

TT	Mã học phần	Môn học	Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 3	Học kỳ 4	Số TC
1.	CHCT01	Triết học	X				4
2.	CHCB19	Phương pháp nghiên cứu chuyên sâu trong Công tác xã hội	X				3
3.	CHCB01	Phân tích và hoạch định chính sách xã hội	X				3
4.	CHCB12	Hành vi con người và môi trường xã hội nâng cao	X				2
5.		Học phần tự chọn 1	X				3
6.	CHCB21	Ứng dụng lý thuyết trong thực hành Công tác xã hội		X			3
7.	CHCB23	Ứng dụng Công tác xã hội cá nhân trong can thiệp, hỗ trợ thân chủ		X			3
8.	CHCB24	Ứng dụng Công tác xã hội		X			3

TT	Mã học phần	Môn học	Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 3	Học kỳ 4	Số TC
		nhóm trong can thiệp, hỗ trợ thân chủ					
9.	CHCB06	Thực hành Công tác xã hội chuyên sâu		X			3
10.	CHCB26	Xây dựng và quản lý dự án công tác xã hội.		X			3
11.	CHCB25	Thực hành Quản trị Công tác xã hội		X			3
12.		Học phần tự chọn 2			X		3
13.		Học phần tự chọn 3			X		3
14.		Học phần tự chọn 4			X		3
15.		Học phần tự chọn 5			X		3
16.		Học phần tự chọn 6			X		3
17.	CHCB17	Thực tập				X	6
18.	CHCB18	Đề án tốt nghiệp				X	6
<b>TỔNG SỐ TÍN CHỈ</b>			<b>15</b>	<b>18</b>	<b>15</b>	<b>12</b>	<b>60</b>

## 7. Quy trình và kế hoạch đào tạo

### 7.1. Quy trình đào tạo

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Học viện Phụ nữ Việt Nam.

Quá trình tổ chức giảng dạy, đánh giá học phần được tổ chức triển khai theo hình thức trực tiếp hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, đảm bảo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện Phụ nữ Việt Nam về tổ chức đào tạo và khảo thí (khối lượng học tập trực tuyến không vượt quá 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; bảo đảm chất lượng không thấp hơn so với các lớp học trực tiếp). Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác, Học viện Phụ nữ Việt Nam thực hiện đào tạo trực tuyến các học phần theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hình thức đánh giá trực tuyến được áp dụng khi bảo đảm sự tin cậy, công bằng và khách quan như đánh giá trực tiếp, đồng thời đóng góp không quá 50% trọng số điểm học phần, trừ học phần tốt nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 của Quy chế tuyển sinh và đào tạo thạc sĩ của Học viện Phụ nữ Việt Nam.

### 7.2. Thời gian đào tạo toàn khóa học

- Hệ chính quy: Chương trình đào tạo được thực hiện trong 1,5 - 2 năm; được chia làm 3 học kỳ, trong đó các học kỳ 1, 2 học các chuyên đề, học kỳ 3 thực tập và

làm đề án tốt nghiệp. Đề án tốt nghiệp được thực hiện trong thời gian từ 3 đến 6 tháng (tối đa là 6 tháng) tính từ khi đề cương đề án được hội đồng thông qua.

- Hệ vừa làm, vừa học: 2,0 năm, được chia làm 4 học kỳ, trong đó học kỳ 1, 2, 3 học các chuyên đề, học kỳ 4 thực tập, làm đề án tốt nghiệp. Đề án tốt nghiệp được thực hiện trong thời gian từ 3 đến 6 tháng (tối đa là 6 tháng) tính từ khi đề cương đề án được hội đồng thông qua

### **7.3. Điều kiện tốt nghiệp:**

Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ đề án tốt nghiệp đạt yêu cầu.

Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp.

Đã công bố công khai toàn văn đề án tốt nghiệp trên cổng thông tin quản lý đào tạo của Học viện.

Đã nộp đề án tốt nghiệp được hội đồng đánh giá đạt trở lên, có bản xác nhận của người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng tại thư viện theo quy định.

Hoàn thành các trách nhiệm khác theo quy định của Học viện, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

## **8. Phương pháp giảng dạy, đánh giá kết quả học tập**

### **8.1. Phương pháp, công nghệ dạy học**

Phương pháp giảng dạy hướng vào việc tăng cường tính chủ động, tích cực và sáng tạo của học viên. Các phương pháp giảng dạy chính, cụ thể:

Phương pháp thuyết trình

Phương pháp dạy học nhóm, thảo luận nhóm

Phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình

Phương pháp thực hành xây dựng dự án

Bài tập tình huống

Phát vấn...

Rèn luyện cho học viên phương pháp tự học, kỹ năng đọc tài liệu, kỹ năng tự nghiên cứu, các kỹ năng thực hành, kỹ năng hợp tác, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng khai thác thông tin, kỹ năng phản biện...

Cách thức tổ chức các học phần thực hành, thực tập, đề án tốt nghiệp:

Đối với các học phần thực hành: Thực hành trên lớp (ngay khi học lý thuyết).

Đối với thực tập: Hướng dẫn thực tập trên lớp cho học viên trước khi học viên đi thực tập tại cơ sở. Sau đó gửi học viên về các cơ sở thực tập. Trong quá trình thực tập có sự giám sát của giảng viên.

Đối với đề án tốt nghiệp: Phân công giáo viên hướng dẫn đề án tốt nghiệp đối với những học viên đủ điều kiện làm đề án tốt nghiệp. Hướng dẫn học viên vận dụng các kiến thức, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp vào thực hiện đề án tốt nghiệp. Giảng viên

giám sát, đôn đốc học viên để đảm bảo chất lượng đề án tốt nghiệp và đảm bảo tiến độ tốt nghiệp.

## **8.2. Phương pháp đánh giá kết quả học tập**

Các hình thức, phương pháp đánh giá quá trình, đánh giá cuối ở tất cả các học phần: bài tập, bài tự luận, bài thi viết, nghiên cứu trường hợp, báo cáo, bài tập nhóm, vấn đáp, dự án, tiểu luận...

Thang điểm đánh giá chung; cơ cấu điểm thành phần, điểm cuối kỳ: Điểm thành phần và điểm đánh giá kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Phòng Đào tạo có trách nhiệm quy đổi từ thang điểm 10 sang thang điểm 4 và điểm chữ.

Cơ chế, hình thức công khai kết quả đến người học, tiếp nhận sự phản hồi ý kiến từ người học: Kết quả học tập được công khai trên hệ thống tài khoản điện tử của học viên, đảm bảo nhanh chóng và dễ dàng tra cứu.

Dự kiến rà soát, thay đổi phương pháp đánh giá trong chương trình đào tạo: Phương pháp đánh giá kết quả học tập được rà soát, thay đổi theo sự rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo (2 năm một lần).

LIỆP  
H  
V  
OH

## 9. Đội ngũ giảng viên, nhân viên

### 9.1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu của ngành

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ
1.	Đoàn Thị Thanh Huyền, 1974, Trưởng khoa CTXH	Phó Giáo sư, 2019	Tiến sĩ, Việt Nam, 2014	Xã hội học	2013, Học viện Phụ nữ Việt Nam	Đúng hồ sơ
2.	Nguyễn Thị Thu Hương		Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Xã hội học	2006, Học viện Phụ nữ Việt Nam	Đúng hồ sơ
3.	Nguyễn Thị Thu Hoài		Tiến sĩ, Nga, 2006	Xã hội học	2010, Học viện Phụ nữ Việt Nam	Đúng hồ sơ
4.	Đỗ Thị Thu Phương, 1986, Giảng viên Khoa CTXH		Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Công tác xã hội	2011, Học viện Phụ nữ Việt Nam	Đúng hồ sơ
5.	Nguyễn Văn Vệ, 1983, Giảng viên khoa CTXH		Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Công tác xã hội	2023, Học viện Phụ nữ Việt Nam	Đúng hồ sơ
6.	Bùi Thanh Bình, 1978, Giảng viên khoa CTXH		Tiến sĩ, Việt Nam, 2022	Công tác xã hội	2023, Học viện Phụ nữ Việt Nam	Đúng hồ sơ
7.	Ngô Thị Thanh Mai, 1979, Giảng viên khoa CTXH		Tiến sĩ, Việt Nam, 2022	Công tác xã hội	2023, Học viện Phụ nữ Việt Nam	Đúng hồ sơ
8.	Dương Kim Anh, 1974, PGĐ, Trưởng khoa Giới và Phát triển	Phó Giáo sư, 2023	Tiến sĩ, Newzealand, 2014	Giới và Phụ nữ học	2005, Học viện Phụ nữ Việt Nam	Đúng hồ sơ
9.	Lưu Song Hà, 1962, Giảng viên khoa Khoa học cơ bản		Tiến sĩ, Việt Nam, 2006	Tâm lý học	2009, Học viện Phụ nữ Việt Nam	Đúng hồ sơ
10.	Đoàn Thị Trang, 1979, Trưởng khoa Khoa học cơ bản		Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Kinh tế	2004, Học viện Phụ nữ Việt Nam	Đúng hồ sơ

### 9.2. Giảng viên thỉnh giảng

TT	Họ tên	Giới tính	Học hàm/ Học vị	Chuyên ngành được đào tạo	Ghi chú
1.	Phạm Tiến Nam	Nam	PGS.TS	Công tác xã hội	
2.	Đỗ Hạnh Nga	Nữ	PGS.TS	Tâm lý học	
3.	Tiêu Thị Minh Hương	Nữ	TS	Tâm lý học	
4.	Nguyễn Minh Tuấn	Nam	TS	Xã hội học	
5.	Nguyễn Trung Hải	Nam	TS	Phúc lợi xã hội	
6.	Phạm Ngọc Linh	Nữ	TS	Tâm lý học	
7.	Hà Thị Thu	Nữ	TS	Xã hội học	
8.	Bùi Thanh Minh	Nam	TS	Công tác xã hội	
9.	Phạm Văn Hào	Nam	TS	Luật	
10.	Nguyễn Thanh Bình	Nam	PGS.TS	Xã hội học	
11.	Đỗ Thị Nga	Nữ	TS	Tâm lý học	
12.	Phạm Đình Huấn	Nam	TS	Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử	
13.	Phạm Thanh Hải	Nam	TS	Công tác xã hội	

### 9.3. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ

STT	Người phụ trách	Đơn vị
1	Nhân viên hỗ trợ về công nghệ thông tin	Viện Công nghệ thông tin
2	Nhân viên hỗ trợ về quản lý tổ chức đào tạo	Phòng Đào tạo
3	Nhân viên hỗ trợ về hoạt động chuyên môn	Khoa Công tác xã hội

## 10. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, học tập

### 10.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

STT	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính...)	Số lượng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Danh mục trang thiết bị phục vụ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
1	Phòng học	32	2.673	Âm ly, loa, micro	Bộ	32
				Máy chiếu, màn chiếu	Bộ	32
				Bàn ghế	Bộ	990
				Điều hòa	Bộ	68
2	Hội trường lớn	03	840	Âm ly, loa, micro	Bộ	03
				Máy chiếu, màn chiếu	Bộ	02
				Màn hình Led	Bộ	01
				Bàn	Cái	150
				Ghế	Cái	470
				Điều hòa	Bộ	16

### 10.2. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành

STT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng, trạm trại, cơ sở thực hành	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ
1	Phòng máy tính	270	Máy tính	148	Phục vụ giảng dạy, học tập
			Máy chiếu, màn chiếu	03	Phục vụ giảng dạy
			Máy điều hòa	09	Phục vụ giảng dạy, học tập
2	Phòng học ngoại ngữ (phòng LAB)	90	Máy tính, tai nghe	40	Tiếng Anh
			Máy chiếu, màn chiếu	01	Phục vụ giảng dạy
			Bộ thiết bị dùng cho giảng viên	01	Phục vụ giảng dạy

### 10.3. Thư viện

Thư viện có diện tích 350 m<sup>2</sup>, trong đó:

+ Diện tích phòng đọc: 350m<sup>2</sup>

+ Số chỗ ngồi: 120 chỗ

+ Số lượng máy tính phục vụ tra cứu 8 máy, có kết nối internet;

+ Phần mềm quản lý thư viện: Simile 5.0

+ Phần mềm tra cứu văn bản luật: 2

+ Số lượng sách, giáo trình các loại: 37.061 bản.

+ Thư viện điện tử đang được xây dựng gắn với đào tạo trực tuyến.

+ Đã thoả thuận trao đổi thư viện với Đại học Quốc gia Hà Nội, Thư viện Quốc gia.

+ Số đầu giáo trình dùng cho chương trình đào tạo: 20 đầu sách.

### 10.4. Danh mục giáo trình của ngành đào tạo

Số TT	Tên sách	Tên tác giả	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Số lượng (cuốn)	Sử dụng cho môn học/học phần	Đúng/ Không đúng hồ sơ
1.	Giáo trình Triết học Mác – Lênin dùng cho bậc đại học hệ không chuyên ngành lý luận chính trị	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2021	Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.	1	Triết học Mác - Lênin	Đúng
2.	Phương pháp Nghiên cứu Xã hội học	Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh	2012	NXB Đại học quốc gia Hà Nội	05	Phương pháp nghiên cứu chuyên sâu trong Công tác xã hội	Đúng
3.	Chính sách công (Sách chuyên khảo).	Phạm Quý Ngọ, Nguyễn Xuân Nhật	2014	Nxb Thông tin và truyền thông.	01	Phân tích và hoạch định chính sách xã hội	Đúng
4.	Giáo trình chính sách xã hội.	Nguyễn Tuấn Anh (chủ biên)	2021	Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội	01	Phân tích và hoạch định chính sách xã hội	Đúng
5.	Giáo trình	Nguyễn	2018	NXB Đại học	01	Hành vi con	Đúng

Số TT	Tên sách	Tên tác giả	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Số lượng (cuốn)	Sử dụng cho môn học/học phần	Đúng/ Không đúng hồ sơ
	Hành vi con người và môi trường xã hội	Hồi Loan, Trần Thu Hương		Quốc gia Hà Nội.		người và môi trường xã hội nâng cao	
6.	Kiểm huấn Công tác xã hội	Nguyễn Thị Hằng Phương	2011	Tài liệu Dự án Đào tạo CTXH tại Việt Nam do Bộ Lao động – Thương binh – Xã hội và các tổ chức: ULSA, CFSI, ASI, AP, UNICEF đồng thực hiện	01	Kiểm huấn trong thực hành công tác xã hội	Đúng
7.	Tài liệu hướng dẫn thực hành Quản lý trường hợp	Cục Bảo trợ xã hội	2016	Tài liệu hướng dẫn thực hành (dành cho cán bộ xã hội cấp cơ sở)	71	Quản lý trường hợp trong thực hành Công tác xã hội	Đúng
8.	Tập bài giảng Học phần: Giới và phát triển	Khoa Giới và Phát triển	2016	Học viện Phụ nữ Việt Nam.	70	Giới và phát triển	Đúng
9.	Giáo trình Lý thuyết công tác xã hội.	Nguyễn Trung Hải	2022	NXB Lao động - Xã hội		Ứng dụng lý thuyết trong thực hành công tác xã hội	Đúng
10.	CTXH cá nhân và gia đình,	Nguyễn Thị Thái Lan & Bùi Thị Xuân Mai	2011	NXB Lao động – Xã hội		Ứng dụng Công tác xã hội cá nhân trong can thiệp, hỗ trợ thân chủ	Đúng
11.	Giáo trình Công tác xã hội nhóm	Nguyễn Thị Thái Lan	2008	NXB Lao động- Xã hội		Ứng dụng Công tác xã hội nhóm trong can thiệp, hỗ trợ thân chủ	Đúng
12.	The Social	Cynthia L.	2019	Nhà xuất bản		Thực hành	Đúng

Số TT	Tên sách	Tên tác giả	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Số lượng (cuốn)	Sử dụng cho môn học/học phần	Đúng/ Không đúng hồ sơ
	work practicum (Preparation for practice).	Garthwait		Pearon		công tác xã hội chuyên sâu	
13.	Lý luận về thực hành công tác xã hội.	Nguyễn Thị Như Trang, Trần Văn Kham	2017	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội		Thực hành công tác xã hội chuyên sâu	đúng
14.	Giáo trình xây dựng và quản lý dự án.	Từ Quang Hiến (Chủ biên)	2007	Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội		Xây dựng và quản lý dự án công tác xã hội	Đúng
15.	Quản trị ngành Công tác xã hội.	Trịnh Thị Chinh & Michael Ong	2012	Nhà xuất bản Lao động – xã hội		Thực hành Quản trị công tác xã hội	Đúng
16.	Giáo trình Công tác xã hội trong lĩnh vực bình đẳng giới và phòng chống BLGD	Nguyễn Thị Kim Hoa (chủ biên)	2017			Thực hành Công tác xã hội trong lĩnh vực bình đẳng giới và bạo lực trên cơ sở giới	Đúng
17.	Giáo trình Công tác xã hội trong phòng, chống bạo lực gia đình	Bùi Thị Mai Đông (chủ biên)	2017	Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.		Thực hành Công tác xã hội trong lĩnh vực bình đẳng giới và bạo lực trên cơ sở giới	Đúng
18.	Giáo trình Công tác xã hội với Người cao tuổi,	Bùi Thị Mai Đông, Nguyễn Văn Vệ, Nguyễn Thị Thanh Thủy	2017	Nxb Giáo dục		Can thiệp, hỗ trợ người cao tuổi	Đúng
19.	Giáo trình	Bùi Thị	2023	Nxb Đại học		Can thiệp,	Đúng

Số TT	Tên sách	Tên tác giả	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Số lượng (cuốn)	Sử dụng cho môn học/học phần	Đúng/ Không đúng hồ sơ
	Lý thuyết Công tác xã hội,	Hồng Minh, Phạm Thị Huyền Trang, Nguyễn Thị Hà, Phạm Thị Hằng Nga		Quốc gia Hà Nội		hỗ trợ người cao tuổi	
20.	Công tác xã hội với người khuyết tật	Nguyễn Thị Kim Hoa (chủ biên)	2014	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội		Can thiệp, hỗ trợ người khuyết tật	Đúng
21.	Giáo trình công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	Đoàn Thị Thanh Huyền (chủ biên), Nguyễn Thị Thái Lan, Đỗ Thị Thu Phương	2020	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội		Can thiệp, hỗ trợ đối với trẻ em bị xâm hại	Đúng
22.	Công tác xã hội với hỗ trợ cộng đồng trong trường hợp khẩn cấp.	Cục Bảo trợ xã hội – Bộ Lao động Thương binh và Xã hội		Đề án 32		Hỗ trợ cộng đồng trong trường hợp khẩn cấp	Đúng
23.	Tham vấn điều trị nghiện ma túy	Bùi Thị Xuân Mai, Nguyễn Tố Như	2013	NXB Lao động – Xã hội, Hà Nội		Tham vấn điều trị cho người nghiện ma túy	Đúng
24.	Hospital Social Work, The Interface of Medicine and Caring.	Joan Beder	2006	Nhà xuất bản Routledge (Taylor&Francis Group).		Thực hành Công tác xã hội trong hệ thống cơ sở y tế	Đúng
25.	CTXH cá nhân và gia đình,	Nguyễn Thị Thái Lan & Bùi	2014	NXB Lao động – Xã hội		Thực tập	Đúng

Số TT	Tên sách	Tên tác giả	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Số lượng (cuốn)	Sử dụng cho môn học/học phần	Đúng/ Không đúng hồ sơ
		Thị Xuân Mai					
26.	Giáo trình Công tác xã hội nhóm	Nguyễn Thị Thái Lan	2008	NXB Lao động-Xã hội		Thực tập	Đúng
27.	Xây dựng và quản lý dự án có sự cùng tham gia.	Từ Quang Hiến	2003	Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội		Thực tập	Đúng
28.	Phương pháp Nghiên cứu Xã hội học	Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh	2012	NXB Đại học quốc gia Hà Nội	05	Đề án tốt nghiệp	Đúng

**10.5. Danh sách các cơ sở thực hành thực tập ngoài cơ sở đào tạo**

- + Trung tâm chăm sóc người cao tuổi Nhân Ái
- + Bệnh viện Châm cứu Trung ương
- + Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Quảng Ninh
- + Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Yên Bái
- + Cơ sở cai nghiện ma túy số 4
- + Cơ sở cai nghiện ma túy số 1
- + Tổ chức Trẻ em Rừng Xanh
- + Trung tâm phục hồi chức năng Việt- Hàn
- + Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Quảng Ninh
- + Trung tâm Bảo trợ xã hội số 3
- + Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Bắc Giang
- + Trung tâm Tham vấn học đường và Can thiệp sớm
- + Bệnh viện Lão khoa Trung ương
- + Bệnh viện Bạch Mai Hà Nội.

## 11. Mô tả tóm tắt các học phần

STT	Tên học phần	Mô tả tóm tắt học phần
1	Triết học	Chương trình học phần Triết học có 8 chương, trong đó Chương 1: Khái luận về triết học, giới thiệu tổng quan về triết học và lịch sử triết học; 3 chương tiếp theo khái quát các nội dung cơ bản thuộc về thế giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn ( <i>chương 2: Bản thể luận, chương 3: Phép biện chứng, chương 4: Nhận thức luận</i> ); 4 chương còn lại bao quát các nội dung lý luận triết học về xã hội và con người ( <i>chương 5: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, Chương 6: Triết học chính trị, chương 7: Ý thức xã hội, chương 8: Triết học về con người</i> ).
2	Phương pháp nghiên cứu chuyên sâu trong công tác xã hội	Học phần nhằm trang bị các kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu trong công tác xã hội và rèn luyện các kỹ năng lựa chọn vấn đề nghiên cứu, xây dựng đề cương nghiên cứu, thiết kế công cụ đo lường, phân biệt phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng, xử lý dữ liệu định lượng, định tính và kỹ năng viết báo cáo kết quả nghiên cứu phù hợp với từng vấn đề nghiên cứu cụ thể.
3	Phân tích và hoạch định chính sách xã hội	Học phần củng cố các kiến thức lý luận chung về chính sách xã hội, phân tích, hoạch định và thực thi chính sách xã hội; trên cơ sở đó đi sâu làm rõ phương pháp tiếp cận và cơ sở của hoạch định chính sách xã hội; phân tích các bước của chu trình hoạch định và thực thi chính sách; Chỉ ra các điều kiện và các bước để tiến hành phân tích chính sách. Hướng dẫn học viên thực hành hoạch định và phân tích chính sách trên một số chính sách xã hội cụ thể ở Việt Nam.
4	Hành vi con người và môi trường xã hội nâng cao	Cung cấp những kiến thức cơ bản nâng cao về hành vi con người và môi trường xã hội đồng thời đề cập đến cơ sở sinh lý thần kinh của hành vi, các lý thuyết về sự phát triển hành vi, các lý thuyết nghiên cứu hành vi con người từ cuối thế kỷ 19 đến thế kỷ 20 làm nền tảng cơ sở lý luận cho sinh viên trong quá trình phân tích, giải thích các mối quan hệ giữa hành vi con người và môi trường trong các điều kiện của hoàn cảnh xã hội (gia đình, nhóm, cộng đồng, xã hội) khi phải giải quyết những vấn đề trong thực tiễn. Mối quan hệ đặc biệt giữa các giai đoạn lứa tuổi với môi trường xã hội. Đề cập đến văn hóa gia đình và các ảnh hưởng của nó đến hành vi con người. Vai trò của Nhân viên CTXH trong việc giúp đỡ các đối tượng xã hội ở các giai đoạn phát triển thông qua chính sách xã hội.
5	Quản lý trường hợp trong thực hành Công tác xã hội	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức quan trọng về Quản lý trường hợp trong Công tác xã hội như: Khái niệm, mục đích, nguyên tắc trong Quản lý trường hợp (QLTH), nhiệm vụ vai trò của cán bộ QLTH, một số kiến thức, kỹ năng của cán bộ QLTH. Ngoài ra, học phần còn cung cấp quy trình QLTH với các

STT	Tên học phần	Mô tả tóm tắt học phần
		bước thực hiện cụ thể, trong đó có lồng ghép giới thiệu một số mẫu văn bản hoặc cập nhật một số quy định có liên quan đến QLTH trong từng giai đoạn của quy trình.
6	Kiểm huấn trong thực hành Công tác xã hội	Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức nền tảng về Kiểm huấn trong Công tác xã hội như: Khái niệm, mục đích, chức năng của kiểm huấn; giá trị, nguyên tắc và các qui điều đạo đức trong kiểm huấn; các hình thức và phong cách kiểm huấn khác nhau. Ngoài ra, học phần còn cung cấp các kiến thức chuyên sâu về kiểm huấn như: Mô tả, làm rõ các bước trong tiến trình kiểm huấn có hiệu quả; Phân tích chức năng, nhiệm vụ và các hoạt động cụ thể của kiểm huấn trong một số lĩnh vực cụ thể, đồng thời nêu ra một số khó khăn trong quá trình kiểm huấn và gợi mở những biện pháp khắc phục.
7	Giới và an sinh xã hội	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về Giới và An sinh xã hội; Hướng dẫn học viên phát hiện các vấn đề giới đang tồn tại trong các chính sách an sinh xã hội và trong quá trình thực hiện các chính sách đó, đồng thời hướng dẫn học viên thực hiện các bước lồng ghép giới trong lĩnh vực an sinh xã hội.
8	Ứng dụng lý thuyết trong thực hành Công tác xã hội	Học phần Lý thuyết công tác xã hội nâng cao cung cấp cho học viên một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về các nhóm lý thuyết, bao gồm: nhóm lý thuyết can thiệp cá nhân, nhóm lý thuyết can thiệp nhóm, nhóm lý thuyết can thiệp cộng đồng và nhóm lý thuyết can thiệp tổ chức. Đồng thời phân tích những ứng dụng của lý thuyết với trong thực hành với một số nhóm đối tượng (phụ nữ, trẻ em...) và một số lĩnh vực can thiệp đặc thù (cộng đồng, tổ chức).
9	Ứng dụng Công tác xã hội cá nhân trong can thiệp, hỗ trợ thân chủ	Học phần trang bị cho học viên những kiến thức về con người, những lý thuyết có liên quan đến con người, những kỹ thuật can thiệp và phương pháp tiếp cận, làm việc với cá nhân. Ngoài ra, môn học trang bị thêm những kỹ năng nâng cao khi làm việc trực tiếp với cá nhân, kiến thức và thực hành tiến trình công tác xã hội cá nhân đối với nhóm đối tượng đặc biệt như người bị sang chấn tâm lý, người bị lệch lạc tư duy, người có hành vi phạm pháp và người lạm dụng chất gây nghiện.
10	Ứng dụng Công tác xã hội nhóm trong can thiệp, hỗ trợ thân chủ	Học phần cung cấp cho học viên cơ sở khoa học của phương pháp công tác xã hội nhóm (các kiến thức về nhóm trong công tác xã hội, các lý thuyết ứng dụng và một số cách tiếp cận trong công tác xã hội nhóm). Ngoài ra, sau khi kết thúc môn học, học viên có khả năng áp dụng một số mô hình công tác xã hội nhóm vào thực tiễn và biết cách thiết kế của một can thiệp trong công tác xã hội nhóm.
11	Thực hành Công tác xã hội chuyên sâu	Học phần trang bị cho học viên các kiến thức và kỹ năng nâng cao khi sử dụng các bộ công cụ để đánh giá tâm lý – xã hội, tham vấn nâng cao và vận động biện hộ chính sách cho thân chủ (cá nhân, nhóm và cộng đồng).

STT	Tên học phần	Mô tả tóm tắt học phần
12	Xây dựng và quản lý dự án công tác xã hội	Học phần này giới thiệu phương pháp, quy trình xây dựng và quản lý dự án phát triển cộng đồng dựa trên nền kiến thức cơ bản về phát triển cộng đồng như một phương pháp của công tác xã hội và dựa trên tổng quan về xây dựng và quản lý dự án nói chung. Ngoài ra, môn học cũng giới thiệu một số công cụ và phương pháp quan trọng hỗ trợ cho quá trình xây dựng và quản lý dự án phát triển cộng đồng, trong đó đáng chú ý là phương pháp tiếp cận khung logic cũng như phương pháp xây dựng khung logic- một công cụ quan trọng cho quá trình tư duy cũng như quá trình xây dựng, quản lý, đặc biệt là quá trình giám sát, đánh giá và kiểm toán dự án.
13	Thực hành Quản trị Công tác xã hội	Học phần cung cấp kiến thức, kỹ năng quản lý, điều hành cơ quan, tổ chức để phát triển cơ quan, tổ chức nhằm cung cấp các dịch vụ tốt nhất cho xã hội. Những kỹ năng cốt lõi của quản trị như hoạch định chiến lược phát triển cơ quan, tổ chức nhằm triển khai thực hiện các chính sách xã hội thành dịch vụ xã hội liên quan đến tiến trình trong việc phát triển cơ quan, tổ chức phù hợp với tình hình chính trị, kinh tế, xã hội để đạt được mục tiêu phân phối các nguồn lực trong xã hội, đáp ứng các yêu cầu về an sinh xã hội. Học phần nhấn mạnh đến tinh thần làm việc hợp tác theo nhóm, thông qua hoạt động thực tiễn, nghiên cứu để đề xuất các chính sách xã hội cần thiết và phù hợp cho xã hội.
14	Thực hành Công tác xã hội trong lĩnh vực bình đẳng giới và bạo lực trên cơ sở giới	Học phần cung cấp một cách toàn diện các nội dung liên quan đến công tác xã hội trong lĩnh vực bình đẳng giới, bạo lực giới và bạo lực gia đình, bao gồm các quan điểm, các lý thuyết như thuyết nữ quyền, thuyết bình đẳng, các hình thức cứu trợ nạn nhân bạo lực giới và bạo lực gia đình, các tiêu chuẩn của người làm việc với nạn nhân; hiệu quả của hoạt động cứu trợ nạn nhân...Rèn luyện, nâng cao các kỹ năng làm việc với nạn nhân của học viên. Đưa ra các nhận định, các bài học kinh nghiệm trong nước và quốc tế đối với các giải pháp và xu hướng biến đổi của công tác xã hội về vấn đề bình đẳng giới, bạo lực giới và bạo lực gia đình.
15	Can thiệp, hỗ trợ người cao tuổi	Học phần mở rộng, nâng cao kiến thức cơ bản đã được học trong chương trình bậc cử nhân nhằm cung cấp kiến thức nâng cao về đời sống tâm-sinh lý và các hoạt động của người cao tuổi, từ đó vận dụng vào quá trình hỗ trợ các thân chủ. Ngoài ra học phần còn cung cấp cho người học các mô hình dịch vụ chăm sóc người cao tuổi, trong đó có phụ nữ cao tuổi nhằm nâng cao hiệu quả thực hành CTXH bằng việc vận dụng thành thạo vào quá trình hỗ trợ các thân chủ khác nhau như cá nhân, nhóm, cộng đồng.
16	Can thiệp, hỗ trợ người khuyết tật	Học phần mở rộng, cập nhật, nâng cao kiến thức cơ bản đã được học trong chương trình bậc cử nhân nhằm cung cấp kiến thức nâng cao về khuyết tật, nhu cầu, đặc điểm tâm, sinh lý của người khuyết tật. Đồng thời, Học phần còn giúp cho học viên nâng cao

STT	Tên học phần	Mô tả tóm tắt học phần
		kỹ năng tìm hiểu, phân tích và nhận diện những vấn đề của người khuyết tật, những nguyên tắc làm việc của nhân viên Công tác xã hội trong việc hỗ trợ giải quyết vấn đề và phục hồi chức năng cho người khuyết tật.
17	Can thiệp, hỗ trợ đối với trẻ em bị xâm hại	Học phần này cung cấp những thông tin, kiến thức về nhóm trẻ em bị xâm hại, bóc lột và sao nhãng như các khái niệm, đặc điểm trẻ em bị xâm hại bóc lột; về hệ thống luật pháp và thực trạng việc xâm hại, bóc lột và sao nhãng trẻ em. Đặc biệt, học phần trang bị cho học viên những kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực trợ giúp trẻ em bị xâm hại, bóc lột, sao nhãng như: quy trình can thiệp; các kỹ năng chuyên biệt của nhân viên xã hội trong việc hỗ trợ nhóm trẻ em này.
18	Hỗ trợ cộng đồng trong trường hợp khẩn cấp	Học phần này giới thiệu một số vấn đề cơ bản về cộng đồng trong trường hợp khẩn cấp như các khái niệm, nhận diện các hiểm họa khẩn cấp ở Việt Nam và ảnh hưởng của nó, nhận diện các đối tượng dễ bị tổn thương và quy trình hỗ trợ cộng đồng trong trường hợp khẩn cấp. Ngoài ra, học phần cũng giới thiệu về quản lý tình huống khẩn cấp dựa vào cộng đồng, đặc biệt nhấn mạnh đến các yêu cầu và biện pháp quản lý tình huống khẩn cấp dựa vào cộng đồng.
19	Tham vấn điều trị cho người nghiện ma túy	Học phần mở rộng, nâng cao kiến thức cơ bản đã được học trong chương trình bậc cử nhân nhằm cung cấp kiến thức chuyên sâu về tham vấn điều trị nghiện ma túy. Học phần nhấn mạnh đến phát triển kỹ năng cho nhân viên công tác xã hội bằng việc tăng cường khả năng tiếp cận thân chủ, sử dụng thành thạo các kỹ năng, kỹ thuật trong tham vấn điều trị nghiện ma túy đồng thời sử dụng thành thạo quy trình tham vấn điều trị nghiện ma túy phù hợp với từng đối tượng cụ thể.
20	Thực hành Công tác xã hội trong hệ thống cơ sở y tế	Học phần này cung cấp cho học viên các kiến thức tổng quan về công tác xã hội trong hoạt động điều trị tại bệnh viện. Ngoài ra, học viên được tiếp cận các kiến thức về sức khỏe cũng như sự tham gia của công tác xã hội trong hoạt động điều trị đối với các nhóm đối tượng đặc thù tại bệnh viện như bệnh nhi, phụ nữ, người cao tuổi, người bệnh tâm thần. Học viên sẽ bình luận một số chính sách, pháp luật có liên quan đến công tác xã hội trong hoạt động điều trị tại bệnh viện và đề xuất một số giải pháp.
21	Thực tập	Học phần Thực tập tốt nghiệp hướng dẫn học viên vận dụng các lý thuyết vào thực tế tại các cơ sở thực tập qua việc giải quyết các vấn đề của cá nhân, nhóm hoặc cộng đồng, tổ chức trên nhiều bình diện khác nhau ở trình độ cao, phân tích những vấn đề khó khăn hiện tại của cá nhân, nhóm hoặc cộng đồng; đánh giá tiềm năng của cá nhân, nhóm; cộng đồng, tổ chức. Trên cơ sở đó đề xuất và thực thi các giải pháp trợ giúp xã hội, cá nhân, nhóm và cộng đồng tại các cơ sở thực tập hoặc tại cộng đồng, góp phần đề xuất các chính sách đối với thân chủ và cộng đồng. Kết thúc

STT	Tên học phần	Mô tả tóm tắt học phần
		học phần, học viên viết báo cáo thực tập.
22	Đề án tốt nghiệp	Học phần này nhằm mục đích vừa là điều kiện tốt nghiệp vừa là một tiêu chí đánh giá kết quả học tập, nghiên cứu của học viên. Đề án tốt nghiệp là một công trình khoa học, thể hiện kiến thức tổng hợp mà học viên lĩnh hội, tiếp thu trong quá trình học tập và nghiên cứu. Học viên vận dụng phương pháp luận khoa học để thể hiện kiến thức tổng hợp, kỹ năng nghiên cứu độc lập, kỹ năng phân tích, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, kỹ năng ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn, kỹ năng dùng thực tiễn để kiểm chứng lý thuyết, kỹ năng viết và trình bày, kỹ năng bảo vệ đề tài nghiên cứu.

## 12. Đánh giá và cải tiến chương trình dạy học

- Thời điểm ban hành Chuẩn đầu ra, Chương trình đào tạo:
- + Ban hành Chương trình đào tạo lần đầu: Năm 2019.
- + Ban hành Chuẩn đầu ra lần đầu: Năm 2019
- Số lần đã chỉnh sửa:
- + Chương trình đào tạo: 1 lần
- + Chuẩn đầu ra: 1 lần
- Thời điểm chỉnh sửa lần gần nhất: Năm 2022.
- Các chương trình đào tạo được đối sánh trong quá trình xây dựng, chỉnh sửa:
- + Chương trình đào tạo thạc sĩ Công tác xã hội, Trường Đại học Lao động - Xã hội.
- + Chương trình đào tạo thạc sĩ Công tác xã hội, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (Đại học Quốc gia Hà Nội)
- + Chương trình đào tạo thạc sĩ Công tác xã hội, Đại học Sư phạm Hà Nội.
- + Chương trình đào tạo thạc sĩ Công tác xã hội, Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam.
- + Học viện Lao động Quan hệ xã hội và Du lịch Ucraina (Academy of Labour, Social Relations and Tourism).

Chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra được chỉnh sửa theo quy định 02 năm một lần. Công tác cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo được thực hiện thường xuyên, liên tục theo thực tế. *✓*



PGS. TS. Trần Quang Tiến